TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:326/2022/DS-ST
Ngày:18-8-2022
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Công Minh

Ông Trần Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo, Thư ký Tòa án-Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Phượng Tuyền-Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:107/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đào Thị T**, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: ấp LT A, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1/ Bà **Huỳnh Thị T1**, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: ấp LTA, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: ấp LTA, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Theo giấy ủy quyền ngày 29/7/2022.

2/ Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: ấp LTA, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông:* **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LTA, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đào Thị T trình bày:

Vào ngày 10/9/2018 âm lịch, bà T có cho bà Huỳnh Thị T1, anh Nguyễn Văn N mượn số tiền 80.000.000 đồng, có làm biên nhận và bà T1, anh N có hứa trả cho bà số tiền trên vào ngày 20/11/2018 âm lịch. Đến hạn trả nợ, bà T1 và anh N không trả, chị Trí đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa trả.

Bà T thừa nhận vào khoảng tháng 11, 12 năm 2018 bà T có nhận số tiền 20.000.000đồng từ ông T2 chồng bà T1 đưa, không có làm biên nhận, nhưng số tiền này là tiền ông T2, bà T1 trả nợ tiền mua bán vú sữa, không phải trả khoản nợ vay. Bà T không cung cấp được cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh về việc nợ tiền mua bán vú sữa.

Nay khởi kiện yêu cầu:

Buộc chị Huỳnh Thị T1, anh Nguyễn Văn N liên đới trả cho bà T số tiền 80.000.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Huỳnh Thị T1 trình bày:

Bà T1 thừa nhận có vay của bà T số tiền 80.000.000 đồng vào khoảng tháng 2 hoặc tháng 3 năm 2017, để trả nợ, do mua bán vú sữa bị lỗ, mỗi tháng trả lãi 2.400.000đồng, 1.000.000đồng là 30.000đồng/tháng tương đương lãi 3%/tháng, lãi do chồng bà hoặc con bà là Nguyễn Văn N đem trả, không có làm giấy tờ cũng không ai làm chứng. Vào tháng 9 năm 2018 âm lịch, bà T xuống nhà bà kêu bà làm biên nhận nên bà làm giấy biên nhận mượn tiền, bà mượn con bà là anh Nguyễn Văn N viết giùm "Giấy mượn tiền" và bà ký vào giấy mượn tiền, con bà có ký giấy mượn tiền hay không thì bà không nhớ, bà nhớ nội dung giấy mượn tiền là Huỳnh Thị T1 có mượn 80.000.000 đồng. Sau khi ghi giấy mượn tiền thì khoảng tháng 11 hoặc tháng 12 chồng bà là ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1965 cùng địa chỉ ấp LTA, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang có đem trả số tiền 20.000.000 đồng, trả cho bà Đào Thị T nhận, không có làm biên nhận, không có người làm chứng. Lý do chị em làm ăn nên không làm giấy biên nhận. Với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bà và con bà là Nam liên đới trả 80.000.000 đồng bà không đồng ý do con bà là anh N không có liên quan gì. Nên bà chỉ còn nợ lại 60.000.000đồng. Bà xin trả dần mỗi năm 5.000.000đồng cho đến khi hết số tiền 60.000.000đồng, xin không tính lãi. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, anh không đồng ý. Đây là khoản nợ của mẹ anh, anh không có liên quan, anh chỉ viết giùm biên nhận mượn tiền, có ký và ghi họ tên vào biên nhận mượn tiền ở phía dưới biên nhận nhưng anh ký tên với tư cách là người viết biên nhận nợ giùm mẹ anh là bà T1 chứ anh không có mượn, anh đã có gia đình và sống riêng với cha mẹ anh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T2 trình bày: Vợ ông là bà T1 có đưa ông 20.000.000 đồng để trả tiền nợ vay, ông có đưa cho bà T để trả nợ vay vào khoảng tháng 11, 12 năm 2018.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc chị Huỳnh Thị T1, anh Nguyễn Văn N liên đới trả cho bà T số tiền 80.000.000 đồng. Thực

hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Huỳnh Thị T1 và anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đào Thị T số tiền 60.000.000đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do ông Nguyễn Văn T2, sinh năm sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp LTA, xã BL, huyện CT, tỉnh Tiền Giang là người trả tiền 20.000.000đồng cho bà Đào Thị T nên Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Văn T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận của hợp đồng vay tài sản, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét, "Giấy mượn tiền" (Bút lục 06) có nội dung "Tôi tên Huỳnh Thị T1, sinh năm 1967 cư ngụ ấp Long Thành A, xã Bàn Long, Châu Thành, Tiền Giang có mượn của bà Đào Thị T… số tiền 80.000.000 đồng ngày 10 tháng 9 năm 2018 al cho đến ngày 20 tháng 11 năm 2018 âm lịch…" Bà T1 thừa nhận có ký và ghi họ tên vào Giấy mượn tiền, nguyên đơn bà T cho rằng đây là hợp đồng vay có lãi. Đại diện ủy quyền bị đơn trình bày lãi 03%/tháng, trả lãi được 12 tháng nhưng không có giấy tờ gì chứng minh, nên Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi nhưng bà T không yêu cầu tính lãi nên bà T1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay khi án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự

Mặc dù, dưới mục người mượn tiền bà T1 và anh N ký ghi họ tên nhưng nội dung "Giấy mượn tiền" không thể hiện anh N là người mượn tiền mà thể hiện bà T1 là người mượn. Theo anh N trình bày anh chỉ viết giùm mẹ anh là bà T1 và anh ký tên với tư cách người làm chứng, vào thời điểm tháng 9 năm 2018 âm lịch anh đã có gia đình và ra riêng. Nguyên đơn yêu cầu anh liên đới trả số nợ 80.000.000đồng anh không đồng ý, bị đơn bà T1 xác định đây là nợ riêng của bà, nguyên đơn không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh N đại diện bà T1 trình bày trả vốn vay cho bà T là 20.000.000đồng vào tháng 11, 12 năm 2018 thông qua ông T2 và có việc trả lãi, nguyên đơn chỉ thừa nhận có nhận của bà T1 số tiền 20.000.000 đồng nhưng bà T cho rằng đây là tiền bà T1 trả nợ mua bán vú sữa, nhưng bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nên Tòa án xác định số tiền 20.000.000đồng là khoản trả nợ vay. Đối với khoản nợ mua bán nếu các bên có tranh chấp thì sẽ khởi kiện vụ án khác.

Anh N đại diện theo ủy quyền của bà T1 xin cho bà T1 trả dần số tiền vay 60.000.000đồng nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với lãi trên số tiền 80.000.000đồng, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

[6] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp một phần với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466 và Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí;

Xử:

1/ Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị T

Buộc bà Huỳnh Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà Đào Thị T số tiền 60.000.000đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành án.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị T về việc buộc bà bà Huỳnh Thị T1 và anh Nguyễn Văn N liên đới trả cho bà Đào Thị T số tiền 80.000.000đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về án phí:

Bà Huỳnh Thị T1 chịu 3.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đào Thị T chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trừ vào số tiền 2.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004155 ngày 25/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên hoàn bà T 1.000.000đồng.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà T, bị đơn bà T1, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5/ Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Đỗ Thị Hồng Quyên